

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐL– Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HS – ST
Ngày: 09/10/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung và bà Ngô Thị Như Hoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Từ – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 08 và 09 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 102/2020/TLST – HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST – HS ngày 11/9/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 02/5/1979.

Nơi cư trú: Xóm M, xã D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Công chức Văn phòng Đảng ủy xã D, huyện K (nay là phường K, thành phố H), tỉnh Hòa Bình; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 103-QĐ/UBKT, ngày 27/11/2019 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy K, tỉnh Hòa Bình. Con ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị Hồng C(đã chết); có chồng là Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1977, bị cáo có hai con, con thứ nhất sinh năm 2001, con thứ hai năm 2008. Gia đình bị cáo có ba anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình từ ngày 19/11/2019, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

Các Luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Lê Đình Ư.
2. Luật sư Nguyễn Văn Đ.

Thuộc Văn phòng luật sư Thiên Ứng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.
(Ông Ứng và ông Đăng có mặt tại phiên tòa).

Nguyên đơn dân sự: Thành ủy H – tỉnh Hòa Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Ngọc Đ – Chức vụ: Bí thư Thành ủy Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn M– Chức vụ: Phó bí thư thành ủy Hòa Bình.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1944; Địa chỉ: Tổ A, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1943; Địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1945; Địa chỉ: xóm M, xã Độc Lập, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: xóm M, xã Độc Lập, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942 (đã chết); Địa chỉ: xóm M, xã Độc Lập, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1944; Địa chỉ: Tổ A, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

5. Ông Đinh Văn K, sinh năm 1938; Địa chỉ: xóm M, xã Độc Lập, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: xóm M, xã Độc Lập, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

6. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1931 (đã chết); Địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 06, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

7. Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1933 (đã chết); Địa chỉ: Tổ C, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ C, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Có mặt)

8. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1934; Địa chỉ: Tổ 09, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ N, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

9. Ông Đinh Văn Băm, sinh năm 1934 (đã chết); Địa chỉ: xóm M, xã Độc Lập, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn N3, sinh năm 1973; Địa chỉ: Địa chỉ: xóm M, xã ĐL, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

10. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 06, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

11. Anh Đinh Văn N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Địa chỉ: xóm M, xã Độc Lập, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

12. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ C, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

13. Anh Nguyễn Văn Đ4, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ N, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

14. Đảng ủy xã Dân Hạ - huyện K – tỉnh Hòa Bình (nay là Đảng ủy phường K – thành phố H – tỉnh Hòa Bình).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Vĩnh N – Chức vụ: Bí thư đảng ủy phường K. (Có mặt)

Những người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu T5 sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ N, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ N, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

3. Ông Đinh Văn T6, sinh năm 1976; Địa chỉ: xóm Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

4. Anh Nguyễn L2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ C, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

5. Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: xóm M, xã DL, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Nguyễn Thị Thanh H (sinh năm 1979, trú tại Dân Hạ, K, Hòa Bình) được tuyển dụng làm công chức Văn phòng – Thống kê tại UBND xã Dân Hạ, K, Hòa Bình (nay là thành phố H), H được giao nhiệm vụ phụ trách Văn phòng Đảng ủy và làm công việc Văn thư, lưu trữ.

Sau khi nhận được Công văn số 93-CV/BTC ngày 12/4/2018 của Ban tổ chức Huyện ủy K về việc hưởng chế độ chính sách đối với Đảng viên đã được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên, còn sống, không có lương hưu và trợ cấp, ông Nguyễn Xuân Điền – Bí thư Đảng ủy xã Dân Hạ giao nhiệm vụ cho Nguyễn Thị Thanh H liên hệ với bí thư chi bộ các xóm để hướng dẫn việc rà soát, kê khai hồ sơ cho các Đảng viên theo mẫu và cung cấp biểu mẫu kê khai cho Bí thư chi bộ các xóm thực hiện. Nguyễn Thị Thanh H tiến hành liên hệ với bí thư chi bộ các xóm, kết quả rà soát có 09 đảng viên trong xã thuộc diện hưởng chế độ.

Ngày 24/4/2018 sau khi nhận và tổng hợp 09 bộ hồ sơ của các Đảng viên được hưởng chế độ, Nguyễn Thị Thanh H mang đến nộp tại Ban tổ chức Huyện ủy K theo quy định.

Sau khi có tiền truy lĩnh chế độ cho các đảng viên từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2018 do Ban tổ chức Tỉnh ủy Hòa Bình cấp, anh Đinh Công Thụ - phó Ban tổ chức huyện ủy K điện thoại cho Nguyễn Thị Thanh H lên Huyện ủy K nhận tiền về phát cho 09 đảng viên được hưởng chế độ của xã Dân Hạ. Chiều ngày 30/7/2018 Nguyễn Thị Thanh H đến Ban tổ chức Huyện ủy K gặp và làm việc với anh Đinh Công Thụ, anh Thụ đưa cho bị cáo H 01 bản danh sách chi tiền từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2018, trong đó liệt kê các cá nhân Đảng viên của 09 xã, thị trấn trên địa bàn huyện K và tổng số tiền các đảng viên được trợ cấp, trong đó xã Dân Hạ có

09 đảng viên, để H làm căn cứ chi trả, phát tiền. Đồng thời anh Đinh Công Thụ có giải thích cho H theo nội dung Quyết định 711-QĐ/TU của Ban thường vụ tỉnh ủy Hòa Bình, cụ thể: Đối với các đảng viên được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi đảng được hưởng bằng 0,6 mức lương cơ sở; trong đó mức lương cơ sở từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2018 là 1.300.000 đồng, trong tháng 07/2018 mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng. Anh Đinh Công Thụ hướng dẫn H xuống Văn phòng Huyện ủy gặp anh Nguyễn Lam – Thủ quỹ để nhận tiền. Tại Văn phòng huyện ủy, Nguyễn Thị Thanh H nhận từ anh Nguyễn Lam số tiền 45.031.000 đồng.

Sau khi nhận được số tiền 45.031.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh H không báo cáo, cũng như không tham mưu đề xuất với lãnh đạo Đảng ủy xã Dân Hạ về việc chi trả, phát tiền cho các đảng viên được hưởng chế độ. Đến ngày 15/8/2018, sau khi lãnh đạo xã Dân Hạ biết việc H đã nhận tiền truy lĩnh chế độ của 09 đảng viên, đã yêu cầu H pH tiến hành ngay việc chi trả, phát tiền cho các đảng viên theo đúng quy định thì Nguyễn Thị Thanh H mới thông báo cho các đảng viên được hưởng trợ cấp lên Văn phòng Đảng ủy gặp H để nhận tiền trợ cấp.

Trong các ngày từ 16/8/2018 đến 30/8/2018 H tiến hành chi trả, phát tiền cho các đảng viên được hưởng chế độ, khi phát tiền Nguyễn Thị Thanh H dùng một quyển sổ, loại sổ giáo án, ghi tên Đảng viên được nhận tiền và số tiền được phát trên một tháng; sau đó cách một dòng phía dưới H ghi bên pH dòng chữ “Người nhận” và chi trả phát tiền theo số tiền đã ghi trên sổ của H, đồng thời những người đến ký nhận tên vào phía dưới mục “Người nhận”. Tổng số tiền thực tế H đã chi trả, phát cho 09 đảng viên là 13.325.000 đồng, cụ thể:

- Phát cho bà Nguyễn Thị V 3.825.000 đồng;
- Phát cho bà Nguyễn Thị V1 765.000 đồng (anh Nguyễn Thành Chung – con trai bà V1 nhận thay);
- Phát cho bà Nguyễn Thị A1 765.000 đồng, bà A1 nhận hộ cho bà Nguyễn Thị N 765.000 đồng;
- Phát cho ông Đinh Văn K 765.000 đồng.
- Phát cho ông Nguyễn Thế Bản 920.000 đồng (chị Nguyễn Thị Bình – con dâu của ông Bản nhận thay);

- Phát cho ông Đinh Văn Bậm 920.000 đồng (anh Đinh Văn Nghĩa – con trai ông Bậm nhận thay);

- Phát cho bà Nguyễn Thị Bè 4.600.000 đồng (anh Nguyễn Văn Đậu – con trai bà Bè nhận thay);

Không phát cho ông Nguyễn Văn Phòng.

Khi những người đến nhận tiền chế độ gặp H để nhận tiền, Nguyễn Thị Thanh H giải thích rằng 06 đảng viên chỉ được truy lĩnh một tháng trong năm 2018, gồm: bà Nguyễn Thị V1, Nguyễn Thị A1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thế Bản, Đinh Văn K và Đinh Văn Bậm; còn đối với bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Bè, bị cáo H giải thích cho họ đây là số tiền truy lĩnh từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2018. Sau khi các Đảng viên và những người đến nhận thay đã nhận tiền do H phát và ký tên vào phía dưới dòng chữ “Người nhận”, H viết vào quyển sổ đó thời gian phát tiền cho các Đảng viên là vào ngày 01/8/2018, sau đó bị cáo ghi thêm vào bên trái, cùng dòng với chữ “Người nhận” số tiền được phát trên một tháng nhận với 6 tháng (“765.000 x 6 và 919.000 x 6”) với số tiền đúng bằng số tiền mà các Đảng viên được hưởng theo danh sách chi tiền của Ban tổ chức huyện ủy K.

Số tiền còn lại 31.706.000 đồng H giữ lại và đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Sau khi biết không được nhận đủ số tiền truy lĩnh theo quy định được hưởng, các Đảng viên được hưởng chế độ đã có đơn gửi Đảng ủy xã Dân Hạ đề nghị giải quyết. Liên quan đến việc xử lý cán bộ Đảng viên, Ủy ban kiểm tra huyện ủy K đã thụ lý giải quyết vụ việc trên, sau khi xác định có dấu hiệu tội phạm hình sự, ngày 19/3/2019 đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K (nay là thành phố H) để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 1679/C09-P5 ngày 25/6/2019 và số 4103/C09-P5 ngày 11/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận các nội dung sau:

- Chữ ký “V”, “Chung”, “A1”, “KT A1”, “Ng T A1”, chữ ký của Đinh Văn Nghĩa, chữ ký của ông Nguyễn Văn Đậu tại quyển sổ giáo án của Nguyễn Thị Thanh H và danh sách chi tiền từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2018 đều do Nguyễn

Thị V, Nguyễn Thành Chung, Nguyễn Thị A1, Đinh Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Đậu ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Phòng” tại cột “Ký nhận” trên danh sách chi tiền từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2018 và chữ ký “Phòng” dưới mục “người nhận trên quyền sở giao án so với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn Phòng có pH do cùng một người ký ra hay không. Các chữ “Nguyễn Văn Phòng” dưới mục “người nhận” trên quyền sở giao án so với mẫu chữ viết đúng tên Nguyễn Văn Phòng không pH do cùng một người viết ra. Chữ ký “Phòng” tại cột ký nhận trên danh sách chi tiền từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2018 và chữ ký “Phòng”, các chữ “Nguyễn Văn Phòng” dưới mục “người nhận” trên quyền sở giao án không pH do Nguyễn Thị Thanh H viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “K” tại cột “ký nhận” trên mẫu giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Đinh Văn K trên các mẫu so sánh ký hiệu M8, từ M16 đến M20 có pH do cùng một người ký ra hay không. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “K” tại cột ký nhận trên danh sách chi tiền từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2018 đảng viên đã được tặng huy hiệu 50,55,60,65,70 năm tuổi đảng được hưởng trợ cấp hàng tháng với chữ ký “K” dưới mục “người nhận” trên quyền sở giao án có pH cùng một người ký ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký thứ ba tính từ dưới lên tại cột “ký nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Nguyễn Thị Bình trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5, M8, từ M23 đến M26 có pH do cùng một người ký ra hay không. Chữ ký thứ ba tính từ dưới lên tại cột ký nhận trên danh sách chi tiền từ tháng 1/2018 đến tháng 7/2018 đảng viên đã được tặng huy hiệu 50,55,60,65,70 năm tuổi đảng được hưởng trợ cấp hàng tháng với chữ ký đúng tên Nguyễn Thị Bình dưới mục “người nhận” trên quyền sở giao án là do cùng một người ký ra.

- Các chữ, số 4.595.000đ” ở dòng chữ viết thứ 4, “765.000 x 6T = 4.595.000đ” ở các dòng chữ viết thứ 8, thứ 12, thứ 16, thứ 20, “919.000 đ x 6T = 5.514.000đ” ở các dòng chữ viết thứ 24 tính từ trên xuống tại trang 1 và “919.000 đ x 6T = 5.514.000đ” ở dòng chữ viết thứ 2, thứ 6, thứ 10 tính từ trên xuống tại trang 2 mẫu cần giám định ký hiệu A2 là cá chữ, số được viết thêm. Chữ viết tại trang 1,

trang 2 trên quyển sổ giáo án ký hiệu A2 (trừ các chữ dưới mục “người nhận”) so với chữ viết của Nguyễn Thị Thanh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 do cùng một người viết ra.

- Không có đủ cơ sở kết luận các chữ, số “765.000đ x 6T =” ở dòng chữ viết thứ 4 tính từ trên xuống tại trang 1 mẫu cần giám định ký hiệu A2 có pH được viết thêm hay không.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Thanh H không thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội mình đã thực hiện.

Bản cáo trạng số 59/CT – VKS – P2 ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Hòa Bình truy tố Nguyễn Thị Thanh H về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 353 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội "*Tham ô tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt: Nguyễn Thị Thanh H từ 30 đến 36 tháng tù. Do bị cáo hiện đang là công chức văn phòng của Đảng ủy xã Dân Hạ (nay là phường K), không giữ chức vụ lãnh đạo trong đơn vị, do vậy không đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung về cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động của Nguyễn Thị Thanh H, đề nghị trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48, Điều 579, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường giữa nguyên đơn dân sự - Thành ủy Hòa Bình với bị cáo Nguyễn Thị Thanh H.

Luật sư Lê Đình Ứng bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm cho rằng: Tại phiên tòa bị cáo đã nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nhưng lời khai của bị cáo không pH là chứng cứ duy nhất để buộc tội bị cáo. Một số tài liệu trong hồ sơ vụ án chưa phù hợp với lời khai của bị cáo và những người liên quan, người làm chứng. Luật sư đề nghị áp dụng Điều 13 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo H không phạm tội.

Luật sư Nguyễn Văn Đăng bào chữa cho bị cáo nên quan điểm: Trong trường hợp HĐXX tuyên bị cáo phạm tội, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phía người liên quan có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo là người dân tộc thiểu số; bị cáo cũng có ý thức về việc đồng ý khắc khục, bồi thường thiệt hại tuy nhiên do hoàn cảnh khách quan bị cáo đang bị tạm giam không thể bồi thường được. Luật sư đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình và mong Tòa cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo thừa nhận sau khi nhận tiền từ Ban tổ chức Huyện ủy K (nay là Thành Ủy Hòa Bình) bị cáo chỉ mới chi trả số tiền 13.325.000đ (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho các Đảng viên được hưởng chế độ 50 năm và 55 năm tuổi đảng theo Quyết định 711-QĐ/TU của Ban thường vụ tỉnh ủy Hòa Bình, thời

gian bị cáo chi trả vào ngày 01/8/2018. Bị cáo khai việc chi trả số tiền trên là thực hiện theo sự chỉ đạo của bí thư Đảng ủy xã ông Nguyễn Xuân Điền.

Ngoài ra, bị cáo cũng thừa nhận Số tiền bị cáo đã chi trả 13.325.000đ (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) bị cáo đã viết vào sổ tay cá nhân của bị cáo và yêu cầu những người trực tiếp nhận tiền ký nhận vào phía dưới dòng chữ ghi số tiền 765.000 đồng/tháng và 919.000 đồng/tháng, đồng thời cho những người nhận tiền ký nhận vào phía dưới và bảng danh sách chi. Trên bảng danh sách chi tiền thể hiện họ đã nhận đủ số tiền 45.031.000đ (bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng), nhưng trên thực tế 08 đảng viên mới chỉ được nhận số tiền từ bị cáo là 13.325.000đ (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), riêng ông Nguyễn Văn Phòng chưa được nhận tiền chế độ.

Sau khi những người nhận tiền đã ký nhận vào các bảng danh sách chi, bị cáo H đã viết thêm các dòng “765.000 x 6T = 4.595.000đ” và “919.000 đ x 6T = 5.514.000đ”, phù hợp với Bản kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

Về chữ ký, chữ viết “Phòng – Nguyễn Văn Phòng” tại bảng danh sách chi tiền và tại sổ ghi chép cá nhân của bị cáo, bị cáo khai đã nhờ một người đi qua đường không quen biết vào ký và viết hộ, thực tế bị cáo chưa chi trả tiền cho ông Nguyễn Văn Phòng, đúng như Kết luận của Cơ quan điều tra.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người liên quan, người làm chứng, Bản Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu Cơ quan điều tra thu thập, xác minh trong quá trình điều tra, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Thị Thanh H đã lợi dụng nhiệm vụ được phân công là lập hồ sơ các đảng viên đủ điều kiện được chi trả theo Quyết định 711 của Tỉnh ủy, sau khi nhận thông báo và trực tiếp nhận tiền từ Ban tổ chức huyện ủy H mới chi trả một phần số tiền 13.325.000đ (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho 08 đảng viên, số tiền 31.706.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) còn lại bị cáo đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị Thanh H đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản quy định tại khoản 1 điều 353 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Hòa Bình đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của huyện ủy K (nay là Thành ủy Hòa Bình) dùng để chi trả chế độ, chính sách cho các Đảng viên được trao tặng huy hiệu 50 năm và 55 năm tuổi Đảng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ vụ lợi cá nhân lợi dụng nhiệm vụ được giao, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền mà mình được giao quản lý với thủ đoạn tinh vi.

Trong quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nội dung bị cáo khai chi trả tiền cho 08 đảng viên vào ngày 01/8/2018, xét thấy lời khai của bị cáo mâu thuẫn với lời khai của những người có quyền lợi liên quan về thời gian bị cáo chi trả tiền, theo bị cáo khai nhận vào ngày 01/8/2018 bị cáo đã chi trả 13.325.000đ (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho những người liên quan. Tuy nhiên, tất cả những người liên quan đều khẳng định việc nhận tiền diễn ra vào khoảng cuối tháng 8/2018, nội dung này phù hợp với lời khai của bí thư Đảng ủy xã Dân Hạ ông Nguyễn Xuân Điền và phó bí thư Đảng ủy xã Dân Hạ ông Nguyễn Hữu Thi. Tại cuộc họp ngày 15/8/2018 lãnh đạo Đảng ủy xã đã yêu cầu bị cáo chi trả số tiền chế độ cho những đảng viên. Đồng thời, ngày 24/8/2018 Đảng ủy xã Dân Hạ có thông báo số 49-TB/ĐU về việc thông báo cho các chi bộ xóm có Đảng viên được hưởng chế độ lên Đảng ủy xã để nhận tiền. Do

đó, lời khai của bị cáo H khai về việc trả tiền cho 08 đảng viên ngày 01/8/2018 là không chính xác.

Việc bị cáo khai ông Điền – bí thư đảng ủy xã chỉ đạo bị cáo chiếm đoạt số tiền 31.706.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) của các đảng viên, quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Điền không thừa nhận đã chỉ đạo bị cáo và bản thân bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Điền có liên quan. Đồng thời, tại phiên tòa bản thân bị cáo khai nhận bị cáo chiếm đoạt và chi tiêu toàn bộ số tiền 31.706.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) vào mục đích cá nhân. Nên không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Xuân Điền theo như lời khai của bị cáo.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo là người dân tộc Mường nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về phân trách nhiệm dân sự:

Số tiền 31.706.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) bị cáo H chiếm đoạt là tiền Ngân sách nhà nước chi trả cho các đối tượng đảng viên 50, 55 năm tuổi đảng theo Quyết định 711-QĐ/TU của Ban thường vụ tỉnh ủy Hòa Bình. Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn dân sự - Thành ủy Hòa Bình có văn bản số 36-CV/TH.U ngày 07/10/2020 với nội dung: Thành ủy đề nghị bị cáo H có trách nhiệm bồi hoàn số tiền trên cho Thành ủy Hòa Bình, để Thành Ủy chi trả đầy đủ số tiền cho các đảng viên theo quy định.

Những người có quyền lợi liên quan và đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi liên quan cũng đồng ý với quan điểm của Thành ủy Hòa Bình.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thanh H đồng ý với đề nghị của Thành ủy Hòa Bình về việc bồi hoàn số tiền 31.706.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng). Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và nguyên đơn dân sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H pH có trách nhiệm bồi hoàn số tiền 31.706.000 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) đã chiếm đoạt cho Thành ủy Hòa Bình.

Đối với các trường hợp đảng viên đã chết gồm bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thế Bản, ông Đinh Văn Bậm, ông Nguyễn Văn Phòng thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bốn người này sẽ được nhận số tiền của các đảng viên được hưởng.

[6]. Về vật chứng:

Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, xét thấy đây là tài sản cá nhân bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7]. Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Thị Thanh H 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 19/11/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 579, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm bồi hoàn số tiền 31.706.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) cho Thành ủy Hòa Bình.

- Nguyên đơn dân sự - Thành ủy Hòa Bình có trách nhiệm tiếp tục chi trả số tiền 31.706.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) cho những người có quyền lợi liên quan và đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi liên quan, cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị V số tiền 770.000đ (bảy trăm bảy mươi nghìn đồng);

2.2. Bà Nguyễn Thị V1 số tiền 3.830.000đ (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng);

2.3. Bà Nguyễn Thị A1 số tiền 3.830.000đ (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng);

2.4. Ông Đinh Văn K số tiền 3.830.000đ (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng);

2.5. Bà Nguyễn Thị Bè số tiền 914.000đ (chín trăm mười bốn nghìn đồng);

2.6. Bà Nguyễn Thị N số tiền 3.830.000đ (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng);

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N gồm: Ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Đức Tiến, bà Nguyễn Thị Dân.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức B được nhận số tiền số tiền trên.

2.7. Ông Nguyễn Thế Bản số tiền 4.594.000đ (bốn triệu năm trăm chín mươi tư nghìn đồng);

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bản gồm: bà Nguyễn Thị Mử, ông Nguyễn Văn Đạo, ông Nguyễn Văn Giảng, bà Nguyễn Thị Biên, ông Nguyễn Hồng Tiên, Ông Nguyễn Minh Đức.

Đại diện theo ủy quyền là Ông Nguyễn Văn Đạo được nhận số tiền trên.

2.8. Ông Đinh Văn Bật số tiền 4.594.000đ (bốn triệu năm trăm chín mươi tư nghìn đồng);

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bật gồm: Bà Đinh Thị Sinh, bà Đinh Thị Tính, bà Nguyễn Thị Tâm, bà Nguyễn Thị Tình, Anh Đinh Văn Nghĩa, anh Đinh Văn Nghiêm, bà Đinh Thị Nga.

Đại diện theo ủy quyền là anh Đinh Văn Nghĩa được nhận số tiền trên.

2.9. Ông Nguyễn Văn Phòng số tiền 5.514.000đ (năm triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng);

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Phòng gồm: Ông Nguyễn Văn Thông, bà Nguyễn Thị Hiền, bà Nguyễn Thị Bảy, bà Nguyễn Thị Lạng, Nguyễn Thị Thủ, ông Nguyễn Văn Điền.

Đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn Điền được nhận số tiền trên;

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37FW được niêm phong trong 01 phong bì (*Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 116/BB ngày 11/9/2020 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình*).

4. Án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H pH chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.585.300đ (Một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

